

**CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG ANH DUY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG ANH DUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2300945831

**3. Ngày thành lập:** 23/08/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

(NR ông Bùi Công Luận) thôn Đoàn Kết, Xã Phù Lãng, Huyện Quê Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0989344756

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                | 2591                                                         |
| 2.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2592                                                         |
| 3.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                    | 4661                                                         |
| 4.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4662                                                         |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                         | 4663(Chính)                                                  |
| 6.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3314                                                         |
| 7.  | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3510                                                         |
| 8.  | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3830                                                         |
| 9.  | Xây dựng công trình công ích<br>Chi tiết: Xây dựng công trình đường dây trạm biến áp đến 35KV                                                                                                                                                                                                                   | 4220                                                         |
| 10. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4290                                                         |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4312                                                         |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4321                                                         |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4649                                                         |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659                                                         |
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4932                                                         |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933                                                         |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                                                                                                            | 8299                                                         |
| 18. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                                                           | 6810                                                         |
| 19. | Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;<br>- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.<br>Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 9.500.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI CÔNG LUẬN  | Thôn Đoàn Kết, Xã Phù Lãng, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                    | 3.800.000.000         | 40,000    | 125217297                                                                                                                                         |         |
| 2   | BÙI CÔNG ĐẠI   | Thôn Đoàn Kết, Xã Phù Lãng, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                    | 2.850.000.000         | 30,000    | 125610190                                                                                                                                         |         |
| 3   | VŨ THỊ HẰNG    | Thôn Đoàn Kết, Xã Phù Lãng, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                    | 2.850.000.000         | 30,000    | 172640415                                                                                                                                         |         |

#### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI CÔNG LUẬN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/02/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125217297

Ngày cấp: 02/03/2003

Nơi cấp: CA Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đoàn Kết, Xã Phù Lãng, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đoàn Kết, Xã Phù Lãng, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh